

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BC
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-06-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cá bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1054/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2018, Quyết định tạm hoãn phiên tòa số: 193/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/06/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm 1987; cư trú tại 1A60/1, A1, xã PH, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh; Hiện tạm trú tại A9/ 16 W, T9, A1, xã VB, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (bà H có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn N; sinh năm 1973; cư trú tại 1A60/1, A1, xã PH, huyện BC; Hiện tạm trú tại G8/19 Đ, A7, xã LM, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 07 năm 2017, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn N chung sống vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2006 ngày 24/01/2006 do Ủy ban nhân dân xã PH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian đã có 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến N, ngày 07/11/2007; trẻ Huỳnh Bảo P, sinh ngày 08/12/2016 hiện cả hai con trẻ đang sống với mẹ. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, do bà sinh con nhỏ phải nghỉ làm ở nhà chăm sóc con nên khó khăn về kinh tế, ông Huỳnh Văn N thiếu trách nhiệm không cố gắng làm kiếm tiền phụ bà nuôi con, mặc dù bà đã cố gắng nhiều lần hòa giải khuyên bảo nhưng ông N không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng từ tháng 06 năm 2017 ông N tự ý bỏ ra ngoài sống không quan tâm gì đến vợ con, vợ chồng chính thức ly thân cho đến nay.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu Tòa án xử cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn N để bà ổn định cuộc sống riêng làm ăn nuôi các con.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 07/11/2007; và trẻ Huỳnh Bảo P, sinh ngày 08/12/2016, hiện cả hai con đang sống với mẹ. Nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu mà để hai bên tự giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn N trong quá trình giải quyết vụ án ông N đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Huỳnh Văn N cũng đã trình bày ý kiến tại bản tự khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 18/10/2017 là: Ông xác nhận phần trình bày về việc chung sống vợ chồng, đăng ký kết hôn, con chung là đúng như bà H trình bày, những mâu thuẫn và việc ly thân là có, tuy nhiên ông vẫn không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương vợ con, ông không phản tố, trường hợp ly hôn thì ông đồng ý giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn như trên; yêu cầu tiếp tục được nuôi cả hai con là Huỳnh Thị Yến N và Huỳnh Bảo P; tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; nợ chung xác định không có.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn N vắng tại phiên tòa.

- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến quan điểm về tố tụng và nội dung qua quá trình kiểm sát cụ thể:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, việc xác định thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến Điều 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Tuy nhiên, chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện KSND huyện BC, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; tiến hành thủ tục khai mạc phiên tòa, thủ tục hỏi theo đúng quy định tại các Điều 239, Điều 249 BLTTDS; xét xử trực tiếp, bằng lời nói theo quy định tại Điều 225 BLTTDS. Đương sự không có ý kiến về việc thay đổi những người tham gia tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn bà H đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn ông N không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Kiến nghị Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà H nộp đơn khởi kiện về “ Tranh chấp ly hôn ” với bị đơn ông N, Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án dân sự số 1054/2017/TLST-HNGĐ. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2006, ngày 14/07/2006 tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện BC có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các bản tự khai, bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã kéo dài, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. theo biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Huỳnh Thị Yến N thì trẻ có nguyện vọng được sống tiếp cùng với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Việc ông N không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung yêu cầu của bà H tiếp tục nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng là có cơ sở để chấp nhận. Về tài sản chung bà H không yêu cầu giải quyết.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà H. Án phí bà H chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Văn N. Yêu cầu Ly hôn được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Huỳnh Văn N có địa chỉ cư trú tại số G8/19 Đ, ấp 7, xã LM, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Văn N có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2006 ngày 24/01/2006 do Ủy ban nhân dân xã PH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét bị đơn ông Huỳnh Văn N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông N cũng đã trình bày ý kiến tại bản tự khai và Biên bản hòa giải và cũng đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vẫn không đến dự phiên tòa vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc, xét xử vắng mặt đương sự theo quy định. Căn cứ các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn N theo quy định.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H về việc ly hôn với ông Huỳnh Văn N là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà H tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà H và ông N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, hiện nay bà H và ông N đã ly thân được một thời gian dài hiện không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét bị đơn ông Huỳnh Văn N không đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông cũng thừa nhận có mâu thuẫn và hiện vợ chồng sống ly thân, như vậy ông N không đưa ra được hướng khắc phục những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông N vẫn không đến tham gia phiên tòa, chứng tỏ ông cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu nuôi hai con của bà H, Xét việc nuôi dưỡng các con là trách nhiệm của cả cha và mẹ, tuy nhiên hiện cả hai con là trẻ Huỳnh Thị Yến N, ngày 07/11/2007; trẻ Huỳnh Bảo P, sinh ngày 08/12/2016 hiện đang sống với bà H được nuôi dưỡng chăm sóc đã ổn định, mặc khác bà H trình bày hiện đang làm việc nhận may gia công tại nhà thuận tiện và có điều kiện chăm sóc con, trong quá trình giải quyết vụ án ông N cũng xác định nếu ly hôn thì ông đồng ý giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, do đó yêu cầu được tiếp tục nuôi các con của bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Xét về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030309, ngày 08 tháng 09 năm 2017 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2014, quyển số 07, quyển số 01/2006 ngày 24/01/2006 do Ủy ban nhân dân xã PH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung có 02 con chung là trẻ HuỳnhThị Yến N, ngày 07/11/2007; trẻ Huỳnh Bảo P, sinh ngày 08/12/2016. Giao cả hai con Huỳnh Thị Yến N và trẻ Huỳnh Bảo P cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030309, ngày 08 tháng 09 năm 2017 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. BC;
- CCTHA DS H. BC;
- UBND các xã PH,
- LM, xã VB, H. BC,
- Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Lại Phước Trường